

Bản án số: 58/2019/HS-ST
Ngày: 15/11/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN-HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Cao Sơn

Thẩm phán: Ông Tôn Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Niềm.

Ông Nguyễn Văn Thạnh.

Ông Phan Văn Đáng.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Thọ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Phú, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2019/TLST-HS ngày 28/8/2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Lê Thị Kiều C (tên gọi khác: không có) sinh ngày 10 tháng 10 năm 1975 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: 92 Võ T, phường Thủy C, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê T và bà Nguyễn Thị N; chồng: Nguyễn Ngọc G (là bị cáo trong vụ án này); có 03 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giữ từ ngày 09/8/2018, đến ngày 12/8/2019 bị Tạm giam cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Kiều C: Luật sư Lê Quang M, Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Thiên T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: Thôn Phú K, xã Phú D, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Nguyễn Ngọc G; sinh ngày 02/02/1970 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: 92 Võ T, phường Thủy C, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn T (đã chết) và bà Lê Thị L (đã chết); vợ: Lê Thị Kiều C (là bị cáo trong vụ án này); có 03

con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

1. Bà Lê Thị P, sinh năm 1970. Địa chỉ: 25A Mai Xuân T, phường Thủy C, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1973. Địa chỉ: 20 Lê Thanh N, phường Thủy C, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Bà Võ Thị T, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số 3 kiệt 1149 Nguyễn Tất T, phường Phú B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

4. Bà Lê Thị Q, sinh năm 1969. Địa chỉ: 69 Nguyễn Thanh A, phường Phú B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

5. Bà Nguyễn Như Thị K, sinh năm 1971. Địa chỉ: 1149 Nguyễn Tất T, phường Phú B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

6. Bà Trần Thị Như Y, sinh năm 1983. Địa chỉ: 9/10 Kiệt 1065 Nguyễn Tất T, phường Phú B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

7. Chị Nguyễn Huỳnh Mậu B, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số nhà 01, kiệt 32 hẻm 12 đường Vân D, tổ 7, phường Thủy L, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị Be vắng mặt, có ông Nguyễn Quốc T là chồng đại diện.

8. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 5 kiệt 1221 Nguyễn Tất T, phường Phú B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

9. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số 168 Sóng H, phường Phú B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

10. Bà Võ Thị H2, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số 5 kiệt 1149 Nguyễn Tất T, phường Phú B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

11. Chị Nguyễn Huỳnh Mậu D, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 1 phường Thủy L, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

12. Bà Hoàng Thị D1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 46 Đỗ N, phường Thủy C, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

13. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 38 Thuận Hóa, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Hải L, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 05 Nguyễn Thành A, phường Phú B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn H3, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số 46 Đỗ N, phường Thủy C, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Anh Phan Ngọc S1, sinh năm 1968. Địa chỉ: 20 Lê Thanh N, phường Thủy C, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Minh T2, sinh năm 1998. Địa chỉ: 92 Võ T, phường Thủy C, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1950. Địa chỉ: 01/128 Trần P, phường Phước V, thành phố Huế. Vắng mặt.

6. Anh Trần Nhật Q, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 168 Sóng H, phường Phú B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

7. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: 45 Thuận H, phường Phú B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Việt D, Trưởng phòng bán lẻ. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lê Bá H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn Cư Chánh 2, xã Thủy B, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

A/ Hành vi phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” của Lê Thị Kiều C:

Lê Thị Kiều C làm nghề buôn bán phế liệu. Từ năm 2010, để có vốn làm ăn, buôn bán C đã bắt đầu vay mượn tiền, vàng, chơi hụi với một số người với số tiền nhỏ và trả tiền gốc, lãi, đóng hụi đầy đủ. Từ năm 2013, C cần một số vốn lớn để làm ăn, buôn bán phế liệu nên đã vay mượn tiền, vàng và chơi hụi của nhiều người với số tiền lớn hơn. Nhưng do quá trình làm ăn, buôn bán bị thua lỗ kéo dài mà số nợ tăng lên hàng ngày, C còn phải trả lãi vay ngày một nhiều hơn nên đến cuối tháng 9/2017 thì C bị vỡ nợ, mất khả năng chi trả. Đến ngày 18/10/2017, C bỏ trốn khỏi địa phương để chiếm đoạt tiền, vàng của 12 người, cụ thể như sau:

1. Bà Lê Thị P (sinh năm 1970, trú tại 25A Mai Xuân T, phường Thủy C, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế):

Do có mối quan hệ bạn hàng nên từ năm 2013 Lê Thị Kiều C bắt đầu vay tiền bà P theo hình thức vay trả lãi hàng tháng (2%/1 tháng), khi nào có thì trả tiền gốc hoặc vay trả góp hàng ngày với lãi suất 3%/1 tháng (cứ vay 9.000.000 đồng thì góp ngày 100.000đ trong thời gian 100 ngày) để làm ăn, buôn bán phế liệu. Từ ngày 09/3/2013 đến ngày 02/9/2017, C đã 19 lần vay, mượn tổng số tiền là 860.000.000 đồng, nhưng chỉ trả góp đến ngày 03/9/2017 (tức ngày 13/7/2017 Âm lịch), được số tiền gốc là 280.830.000 đồng và tiền lãi là 150.600.000 đồng. Đến ngày 18/10/2017, C bỏ trốn để chiếm đoạt của bà P số tiền là 579.170.000 đồng. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 09/3/2013 (tức ngày 28/01/2013 Âm lịch), C vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 2%/1 tháng (200.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 56 tháng là 11.200.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 10.000.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 24/5/2013 (tức ngày 15/4/2013 Âm lịch), C vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 2%/1 tháng (200.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 53 tháng là 10.600.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 10.000.000 đồng.
- Lần 3: Ngày 26/4/2014 (tức ngày 27/3/2014 Âm lịch), C vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 2%/1 tháng (1.000.000đ/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 42 tháng là 42.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 50.000.000 đồng.
- Lần 4: Ngày 30/4/2014 (tức ngày 02/4/2014 Âm lịch), C vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 2%/1 tháng (600.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 41 tháng là 24.600.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 30.000.000 đồng.
- Lần 5: Ngày 02/9/2014 (tức ngày 09/8/2014 Âm lịch), C vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 2%/1 tháng (400.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 37 tháng là 14.800.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 20.000.000 đồng.
- Lần 6: Ngày 24/10/2014 (tức ngày 01/9⁺/2014 Âm lịch), C vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 2%/1 tháng (600.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 35 tháng là 21.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 30.000.000 đồng.
- Lần 7: Ngày 02/11/2014 (tức ngày 10/9⁺/2014 Âm lịch), C vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 2%/1 tháng (400.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 35 tháng là 14.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 20.000.000 đồng.
- Lần 8: Ngày 10/3/2015 (tức ngày 20/01/2015 Âm lịch), C vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 2%/1 tháng (400.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 31 tháng là 12.400.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 20.000.000 đồng.
- Lần 9: Vào khoảng tháng 6/2017 (tức tháng 5/2017 Âm lịch, không nhớ ngày cụ thể) Châu mượn số tiền 50.000.000 đồng nhưng hiện vẫn chưa trả.
- Lần 10: Ngày 21/6/2017 (tức ngày 27/5/2017 Âm lịch), C vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 1.100.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp được 75 ngày là 82.500.000 đồng, còn nợ số tiền 17.500.000 đồng.
- Lần 11: Ngày 06/7/2017 (tức ngày 13/6/2017 Âm lịch), C vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 1.100.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp được 60 ngày là 66.000.000 đồng, còn nợ số tiền 34.000.000 đồng.
- Lần 12: Ngày 12/7/2017 (tức ngày 19/6/2017 Âm lịch), C vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 550.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp được 54 ngày là 29.700.000 đồng, còn nợ số tiền 20.300.000 đồng.
- Lần 13: Ngày 13/7/2017 (tức ngày 20/6/2017 Âm lịch), Châu vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 330.000 đồng/1 ngày). Châu đã trả góp được 53 ngày là 17.490.000 đồng, còn nợ số tiền 12.510.000 đồng.
- Lần 14: Ngày 30/7/2017 (tức ngày 08/6/2017 Âm lịch), C vay số tiền 130.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 1.430.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp được 36 ngày là 51.480.000 đồng, còn nợ số tiền 78.520.000 đồng.

- Lần 15: Ngày 07/8/2017 (tức ngày 16/6/2017 Âm lịch), C vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 550.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp được 28 ngày là 15.400.000 đồng, còn nợ số tiền 34.600.000 đồng.

- Lần 16: Ngày 07/8/2017 (tức ngày 16/6/2017 Âm lịch), C vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 220.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp được 23 ngày là 5.060.000 đồng, còn nợ số tiền 14.940.000 đồng.

- Lần 17: Ngày 13/8/2017 (tức ngày 22/6/2017 Âm lịch), C vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 550.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp được 22 ngày là 12.100.000 đồng, còn nợ số tiền 37.900.000 đồng.

- Lần 18: Ngày 02/9/2017 (tức ngày 12/7/2017 Âm lịch), C vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 550.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp được 02 ngày là 1.100.000 đồng, còn nợ số tiền 48.900.000 đồng.

- Lần 19: Ngày 06/9/2017 (tức ngày 16/7/2017 Âm lịch), C mượn số tiền 40.000.000 đồng nhưng hiện vẫn chưa trả.

Trong tổng số 19 lần vay mượn tiền, thì có 17 lần C viết giấy tờ và ghi vào sổ đưa cho bà Lê Thị P cất giữ. Riêng 02 lần mượn số tiền 50.000.000 đồng (vào tháng 6/2017) và 40.000.000 đồng (vào ngày 06/9/2017) C không viết giấy tờ gì. Hiện nay, cơ quan Công an đã thu giữ toàn bộ số giấy tờ, sổ sách để phục vụ cho công tác điều tra (BL 418-425).

Như vậy, Lê Thị Kiều C đã chiếm đoạt của bà Lê Thị P 19 lần với tổng số tiền là 579.170.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị P yêu cầu Lê Thị Kiều C trả lại số tiền 579.170.000 đồng. Hiện nay C chưa bồi thường

2. Bà Nguyễn Thị S (sinh năm 1973, trú tại 20 Lê Thanh N, phường Thủy C, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế):

Do có mối quan hệ bạn hàng nên từ năm 2014, Lê Thị Kiều C bắt đầu vay tiền, vàng của bà Nguyễn Thị S để làm ăn, buôn bán phế liệu. Đến tháng 6/2015, C hỏi vay bà S số tiền 500.000.000 đồng để mua lô đất (tại 17 Nguyễn Thành Á, phường Phú B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế) để làm ăn, bà S đồng ý cho vay với điều kiện vợ chồng C phải ra công chứng ký hợp đồng vay tiền. Lúc đó, C và bà S tính toán lại số tiền, vàng mà C còn đang nợ bà S tổng cộng là 300.000.000 đồng. Ngày 11/6/2015, tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Thừa Thiên Huế, vợ chồng C cùng vợ chồng bà S lập hợp đồng vay số tiền 800.000.000 đồng với lãi suất 0,8%/ 1 tháng (thực tế phải trả là 3%/ 1 tháng) trong thời hạn 03 năm. Công chứng hợp đồng xong bà S đã giao cho C 500.000.000 đồng tại nhà ông H (ở số 46 Đỗ N, phường Thủy C, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế). Sau đó, C trả góp hàng ngày cho bà S đến khoảng giữa năm 2016 thì trả hết số tiền 800.000.000 của hợp đồng vay tiền ký ngày 11/6/2015. Nhưng C lại tiếp tục vay tiền của bà S nên giữa C và bà S thống nhất không hủy bản Hợp

đồng vay tiền lập ngày 11/6/2015 (vì có thời hạn đến tháng 6/2018), mà vẫn để bà S cất giữ cho những lần vay tiếp theo không phải viết giấy tờ lại (bằng hình thức vay trả góp hàng ngày, cứ vay 9.000.000 đồng thì trả góp thành 10.000.000 đồng trong thời hạn 100 ngày). Thời gian và số tiền cho vay cụ thể những lần sau này thì C và bà S không nhớ rõ vì không có giấy tờ gì (lần vay ít nhất là 10.000.000 đồng và nhiều nhất là 300.000.000 đồng). Cho đến nay, các khoản vay này C còn nợ bà S số tiền là 190.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 28/7/2017 (tức ngày 06/6/2017 Âm lịch), tại nhà bà S (số 20 Lê Thanh N, phường Thủy C, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế), C vay của bà S số tiền 90.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng (vay trả góp 1.000.000 đồng/1 ngày) trong thời hạn 100 ngày, C viết giấy đưa bà S cất giữ.

Ngày 15/8/2017 (tức ngày 24/6/2017 Âm lịch), cũng tại nhà bà S, C vay của bà S số tiền 270.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng (vay trả góp 3.000.000 đồng/1 ngày) trong thời hạn 100 ngày, C viết giấy nợ đưa bà S cất giữ làm tin.

Những lần C vay tiền bà S thì C đều có trả lãi, nhưng do không viết giấy tờ gì nên không nhớ được cụ thể số tiền lãi đã trả. Hiện nay, Toàn bộ số giấy tờ, sổ sách của bà S cơ quan Công an đã thu giữ để phục vụ cho công tác điều tra.

Như vậy, Lê Thị Kiều C đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị S nhiều lần với tổng số tiền là 550.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị S yêu cầu Lê Thị Kiều C trả lại số tiền gốc là 550.000.000 đồng và tiền lãi là 40.000.000 đồng. Hiện C chưa bồi thường.

3. Bà Võ Thị T (sinh năm 1966, trú tại số 03 Kiệt 1149 Nguyễn Tất T, phường Phú B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế):

Do có mối quan hệ bà con nên từ ngày 27/5/2016 (tức ngày 21/4/2016 Âm lịch), đến ngày 04/9/2017 (tức ngày 14/7/2017 Âm lịch), Lê Thị Kiều C đã 13 lần vay của bà Võ Thị T với tổng số tiền là 1.370.000.000 đồng, đã trả tiền gốc đến ngày 05/9/2017 là 167.000.000 đồng và tiền lãi là 463.000.000 đồng. Ngày 18/10/2017, C bỏ trốn để chiếm đoạt của bà T số tiền là 1.203.000.000 đồng. Cụ thể:

- Ngày 27/5/2016 (tức ngày 21/4/2016 Âm lịch), C vay số tiền 120.000.000 đồng với lãi suất 5%/1 tháng. C đã trả 15 tháng tiền lãi là 90.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 120.000.000 đồng.

- Ngày 29/5/2016 (tức ngày 23/4/2016 Âm lịch), C vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 5%/1 tháng. C đã trả 15 tháng tiền lãi là 37.500.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 50.000.000 đồng.

- Ngày 04/6/2016 (tức ngày 29/4/2016 Âm lịch), C vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 5%/1 tháng. C đã trả 15 tháng tiền lãi là 37.500.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 50.000.000 đồng.

- Ngày 27/6/2016 (tức ngày 23/5/2016 Âm lịch), C vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất 5%/1 tháng. C đã trả 14 tháng tiền lãi là 28.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 40.000.000 đồng.

- Ngày 05/7/2016 (tức ngày 02/6/2016 Âm lịch), C vay số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất 5%/1 tháng. C đã trả 14 tháng tiền lãi là 140.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 200.000.000 đồng.

- Ngày 19/8/2016 (tức ngày 17/7/2016 Âm lịch), C vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 5%/1 tháng. C đã trả 12 tháng tiền lãi là 30.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 50.000.000 đồng.

- Ngày 26/4/2017 (tức ngày 01/4/2017 Âm lịch), C vay số tiền 500.000.000 đồng với lãi suất 5%/1 tháng. C đã trả 04 tháng tiền lãi là 100.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 500.000.000 đồng.

- Ngày 28/6/2017 (tức ngày 05/6/2017 Âm lịch), C vay số tiền 90.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng trong thời gian 100 ngày (trả góp 1.000.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 70 ngày là 70.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 20.000.000 đồng.

- Ngày 14/7/2017 (tức ngày 21/6/2017 Âm lịch), C vay số tiền 45.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng trong thời gian 100 ngày (trả góp 500.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 54 ngày là 27.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 18.000.000 đồng.

- Ngày 24/7/2017 (tức ngày 02/6⁺/2017 Âm lịch), C vay số tiền 45.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng trong thời gian 100 ngày (trả góp 500.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 44 ngày là 22.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 23.000.000 đồng.

- Ngày 28/7/2017 (tức ngày 06/6⁺/2017 Âm lịch), C vay số tiền 90.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng trong thời gian 100 ngày (trả góp 1.000.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 40 ngày là 40.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 50.000.000 đồng.

- Ngày 23/8/2017 (tức ngày 02/7/2017 Âm lịch), C vay số tiền 45.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng trong thời gian 100 ngày (trả góp 500.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 14 ngày là 7.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 38.000.000 đồng.

- Ngày 04/9/2017 (tức ngày 14/7/2017 Âm lịch), C vay số tiền 45.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng trong thời gian 100 ngày (trả góp 500.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 02 ngày là 1.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 44.000.000 đồng.

Trong tất cả 13 lần vay tiền trên C đều viết, ký vào giấy và sổ đưa bà Võ Thị T cất giữ làm tin. Hiện nay, toàn bộ sổ giấy tờ, sổ sách của bà T cơ quan Công an đã thu giữ để phục vụ cho công tác điều tra.

Như vậy, Lê Thị Kiều C đã chiếm đoạt của bà Võ Thị T 13 lần với tổng số tiền là 1.203.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Võ Thị T yêu cầu Lê Thị Kiều C trả lại số tiền 1.203.000.000 đồng. Hiện C chưa bồi thường.

4. Bà Lê Thị Q (sinh năm 1969, trú tại 09 Nguyễn Thành Á, phường Phú B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế):

Do có mối quan hệ là hàng xóm nên từ năm 2015 C bắt đầu vay tiền, vàng của bà Q theo hình thức vay tiền trả góp hàng ngày với lãi suất 3%/1 tháng (vay 9.000.000 đồng thì trả góp thành 10.000.000 đồng trong thời hạn 100 ngày), và vay vàng trả lãi hàng tháng với lãi suất 1.000.000 đồng/1 cây vàng/1 tháng để làm ăn, buôn bán phế liệu. Quá trình vay ban đầu thì C trả gốc, lãi đầy đủ. Từ ngày 25/6/2015 (tức ngày 10/5/2015 Âm lịch), đến ngày 02/9/2017 (tức ngày 12/7/2017 Âm lịch), C vay 27 lần với tổng số tiền là 315.000.000 đồng và 02 (hai) cây vàng trị giá 74.000.000 đồng (tự thỏa thuận), đã trả góp tiền gốc là 120.100.000 đồng, trả tiền lãi là 34.000.000 đồng. Đến ngày 18/10/2017, C bỏ trốn để chiếm đoạt của bà Q số tiền 194.900.000 đồng và 02 cây vàng trị giá 74.000.000 đồng. Cụ thể:

- Ngày 25/6/2015 (tức ngày 10/5/2015 Âm lịch), C vay 01 cây vàng SJC trị giá 38.000.000 đồng (tự thỏa thuận) với lãi suất 1.000.000 đồng/1 tháng. C đã trả lãi 26 tháng là 26.000.000 đồng, còn nợ 01 cây vàng SJC trị giá 38.000.000 đồng.

- Cuối tháng 11/2016 (tức cuối tháng 10/2016 Âm lịch), C vay 01 cây vàng (gồm 02 khâu) trị giá 36.000.000 đồng (tự thỏa thuận) với lãi suất 1.000.000 đồng/1 tháng. C đã trả lãi 08 tháng là 8.000.000 đồng, còn nợ 01 cây vàng trị giá 36.000.000 đồng.

- Ngày 09/6/2017 (tức ngày 15/5/2017 Âm lịch), C vay 02 lần với tổng số tiền là 18.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 200.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 85 ngày được 17.000.000 đồng, còn nợ số tiền 1.000.000 đồng.

- Ngày 14/6/2017 (tức ngày 20/5/2017 Âm lịch), C vay số tiền 9.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 100.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 80 ngày được 8.000.000 đồng, còn nợ số tiền 1.000.000 đồng.

- Ngày 19/6/2017 (tức ngày 25/5/2017 Âm lịch), C vay số tiền 9.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 100.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 75 ngày được 7.500.000 đồng, còn nợ số tiền 1.500.000 đồng.

- Ngày 23/6/2017 (tức ngày 29/5/2017 Âm lịch), C vay 02 lần với tổng số tiền 18.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 200.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 71 ngày được 14.200.000 đồng, còn nợ số tiền 3.800.000 đồng.

- Ngày 28/6/2017 (tức ngày 05/6/2017 Âm lịch), C vay số tiền 18.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 200.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 65 ngày được 13.000.000 đồng, còn nợ số tiền 5.000.000 đồng.

- Ngày 03/7/2017 (tức ngày 10/6/2017 Âm lịch), C vay số tiền 9.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 100.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 60 ngày được 6.000.000 đồng, còn nợ số tiền 3.000.000 đồng.

- Ngày 08/7/2017 (tức ngày 15/6/2017 Âm lịch), C vay 02 lần với tổng số tiền 18.000.000 đồng với lãi suất 03%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 200.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 55 ngày được 11.000.000 đồng, còn nợ số tiền 7.000.000 đồng.

- Ngày 13/7/2017 (tức ngày 20/6/2017 Âm lịch), C vay số tiền 9.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 100.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 50 ngày được 5.000.000 đồng, còn nợ số tiền 4.000.000 đồng.

- Ngày 18/7/2017 (tức ngày 25/6/2017 Âm lịch), C vay số tiền 9.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 100.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 45 ngày được 4.500.000 đồng, còn nợ số tiền 4.500.000 đồng.

- Ngày 23/7/2017 (tức ngày 01/6⁺/2017 Âm lịch), C vay số tiền 9.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 100.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 40 ngày được 4.000.000 đồng, còn nợ số tiền 5.000.000 đồng.

- Ngày 28/7/2017 (tức ngày 06/6⁺/2017 Âm lịch), C vay 02 lần với tổng số tiền 27.000.000 đồng với lãi suất 03%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 300.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 35 ngày được 10.500.000 đồng, còn nợ số tiền 16.500.000 đồng.

- Ngày 02/8/2017 (tức ngày 11/6⁺/2017 Âm lịch), C vay số tiền 9.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 100.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 30 ngày được 3.000.000 đồng, còn nợ số tiền 6.000.000 đồng.

- Ngày 07/8/2017 (tức ngày 16/6⁺/2017 Âm lịch), C vay số tiền 18.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 200.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 25 ngày được 5.000.000 đồng, còn nợ số tiền 13.000.000 đồng.

- Ngày 12/8/2017 (tức ngày 21/6⁺/2017 Âm lịch), C vay số tiền 9.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 100.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 20 ngày được 2.000.000 đồng, còn nợ số tiền 7.000.000 đồng.

- Ngày 17/8/2017 (tức ngày 26/6⁺/2017 Âm lịch), C vay số tiền 9.000.000 đồng với lãi suất 03%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 100.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 15 ngày được 1.500.000 đồng, còn nợ số tiền 7.500.000 đồng.

- Ngày 22/8/2017 (tức ngày 01/7/2017 Âm lịch), C vay số tiền 9.000.000 đồng với lãi suất 03%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 100.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 10 ngày được 1.000.000 đồng, còn nợ số tiền 8.000.000 đồng.

- Ngày 27/8/2017 (tức ngày 06/7/2017 Âm lịch), C 03 lần vay với tổng số tiền 36.000.000 đồng với lãi suất 03%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp

400.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 05 ngày được 2.000.000 đồng, còn nợ số tiền 34.000.000 đồng.

- Ngày 01/9/2017 (tức ngày 11/7/2017 Âm lịch), C vay số tiền 9.000.000 đồng với lãi suất 03%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 100.000 đồng/1 ngày). C chưa góp tiền ngày nào, hiện còn nợ số tiền 9.000.000 đồng.

- Ngày 02/9/2017 (tức ngày 12/7/2017 Âm lịch), C vay số tiền 63.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 700.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp 07 ngày được 4.900.000 đồng, còn nợ số tiền 58.100.000 đồng.

Trong tất cả 27 lần vay tiền, vàng trên Lê Thị Kiều C đều viết và ký vào vở đưa cho bà Lê Thị Q cất giữ làm tin. Hiện nay, toàn bộ sổ giấy tờ của bà Q cơ quan Công an đã thu giữ để phục vụ cho công tác điều tra.

Như vậy, Lê Thị Kiều C đã chiếm đoạt của bà Lê Thị Q 27 lần với tổng số tiền là 194.900.000 đồng và 02 cây vàng trị giá là 74.000.000 đồng. Tổng cộng là 268.900.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị Q yêu cầu Lê Thị Kiều C trả lại số tiền 194.900.000 đồng và 02 cây vàng trị giá 74.000.000 đồng. Tổng cộng là 268.900.000 đồng. Hiện nay C chưa bồi thường.

5. Bà Nguyễn Như Thị K (sinh năm 1971, trú tại 1149 Nguyễn Tất T, phường Phú B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế):

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 27/11/2015 (tức ngày 16/10/2015 Âm lịch), Lê Thị Kiều C vay của bà Nguyễn Như Thị K số tiền 250.000.000 đồng theo hình thức trả lãi hàng tháng, khi nào có tiền gốc thì trả với lãi suất 2%/ 1 tháng (5.000.000 đồng/1 tháng), C viết giấy vay tiền đưa cho bà K cất giữ. C đã trả được 20 tháng tiền lãi (đến tháng 7/2017), với số tiền 100.000.000 đồng, còn lại số tiền gốc chưa trả. Đến ngày 18/10/2017, C bỏ trốn khỏi địa phương. Tờ giấy vay tiền bà K đã nộp cho cơ quan Công an để phục vụ công tác điều tra vụ án.

Như vậy, Lê Thị Kiều C đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Như Thị K số tiền 250.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Như Thị K yêu cầu Lê Thị Kiều C trả lại số tiền 250.000.000 đồng. Hiện nay C chưa bồi thường.

6. Chị Trần Thị Như Y (sinh năm 1983, trú tại 9/10 Kiệt 1065 Nguyễn Tất T, phường Phú B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế):

Do có mối quan hệ quen biết nên từ năm 2016, Lê Thị Kiều C bắt đầu vay tiền theo hình thức trả góp gốc và lãi hàng ngày (cứ vay 10.000.000 đồng thì trả góp mỗi ngày 200.000đ x 57,5 ngày = 11.500.000 đồng) hoặc trả lãi hàng tháng (7%/1 tháng), tiền gốc khi nào có thì trả. Ngoài ra, Châu còn tham gia chơi hụi do chị Ý làm chủ. Quá trình vay tiền và chơi hụi C trả tiền vay, đóng hụi đầy đủ. Từ ngày 08/12/2016 (tức ngày 10/11/2016 Âm lịch), đến ngày 14/9/2017 (tức ngày 24/7/2017 Âm lịch), C đã 13 lần vay tiền và 09 lần chơi hụi với tổng số tiền là 15.410.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 7.442.200.000 đồng và tiền lãi là

1.107.000.000 đồng. Đến ngày 18/10/2017, C bỏ trốn để chiếm đoạt của chị Ý tổng số tiền vay và chơi hụi là 7.967.800.000 đồng. Cụ thể như sau:

6.1 Từ ngày 18/01/2017 (tức ngày 21/12/2016 Âm lịch) đến ngày 14/9/2017 (tức ngày 24/7/2017 Âm lịch), C đã 13 lần vay chị Ý với tổng số tiền là 10.400.000.000 đồng, đã trả góp đến ngày 14/9/2017 (tức ngày 24/7/2017 Âm lịch) được số tiền gốc là 3.704.000.000 đồng và tiền lãi là 434.000.000 đồng, còn lại số tiền 6.696.000.000 đồng gồm:

- Ngày 18/01/2017 (tức ngày 21/12/2016 Âm lịch), C vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 7%/1 tháng (7.000.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 08 tháng là 56.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 100.000.000 đồng.

- Ngày 20/01/2017 (tức ngày 23/12/2016 Âm lịch), C vay số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất 7%/1 tháng (14.000.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 08 tháng là 112.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 200.000.000 đồng.

- Ngày 04/02/2017 (tức ngày 08/01/2017 Âm lịch), C vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 7%/1 tháng (3.500.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 07 tháng là 24.500.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 50.000.000 đồng.

- Ngày 13/02/2017 (tức ngày 17/01/2017 Âm lịch), C vay số tiền 350.000.000 đồng với lãi suất 7%/1 tháng (24.500.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 07 tháng là 171.500.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 350.000.000 đồng.

- Ngày 11/4/2017 (tức ngày 15/3/2017 Âm lịch), C vay số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất 7%/1 tháng (14.000.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 05 tháng là 70.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 200.000.000 đồng.

- Ngày 09/8/2017 (tức ngày 18/6⁺/2017 Âm lịch), C vay 02 lần với tổng số tiền 3.000.000.000 đồng, trả góp 60.000.000 đồng/1 ngày, trong 57,5 ngày. C đã trả góp được 36 ngày là 2.160.000.000 đồng, còn nợ số tiền 840.000.000 đồng.

- Ngày 24/8/2017 (tức ngày 03/7/2017 Âm lịch), C vay số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất 7%/1 tháng (21.000.000đ/1 tháng). C chưa trả tiền lãi tháng nào, còn nợ tiền gốc là 300.000.000 đồng.

- Ngày 25/8/2017 (tức ngày 04/7/2017 Âm lịch), C vay 02 lần với tổng số tiền 2.600.000.000 đồng, trả góp 52.000.000 đồng/1 ngày, trong 57,5 ngày. C đã trả góp được 21 ngày là 1.092.000.000 đồng, còn nợ số tiền 1.508.000.000 đồng.

- Ngày 01/9/2017 (tức ngày 11/7/2017 Âm lịch), C vay số tiền 1.000.000.000 đồng, trả góp 20.000.000 đồng/1 ngày trong 57,5 ngày. C đã trả góp được 13 ngày là 260.000.000 đồng, còn nợ số tiền 740.000.000 đồng.

- Ngày 08/9/2017 (tức ngày 18/7/2017 Âm lịch), C vay số tiền 1.600.000.000 đồng, trả góp 32.000.000 đồng/1 ngày trong 57,5 ngày. C đã trả góp được 06 ngày là 192.000.000 đồng, còn nợ số tiền 1.408.000.000 đồng.

- Ngày 14/9/2017 (tức ngày 24/7/2017 Âm lịch), C vay số tiền 1.000.000.000 đồng, trả góp 20.000.000 đồng/1 ngày trong 57,5 ngày. C chưa trả góp ngày nào, còn nợ số tiền 1.000.000.000 đồng.

6.2 Từ ngày 08/12/2016 (tức ngày 10/11/2016 Âm lịch), đến ngày 28/7/2017 (tức ngày 06/6/2017 Âm lịch), Lê Thị Kiều C 09 lần tham gia chơi hội do chị Trần Thị Như Ý làm chủ (C chỉ biết chị Ý là chủ hội, còn những con hội khác thì C không biết), C chỉ đóng hội và bốc hội đến ngày 14/9/2017 (tức ngày 24/7/2017 Âm lịch) thì không đóng nữa rồi bỏ trốn để chiếm đoạt của chị Ý số tiền là 1.271.800.000 đồng, gồm:

- Lần thứ nhất: Ngày 08/12/2016 (tức ngày 10/11/2016 Âm lịch), Châu chơi 01 chân hội 10 người với mỗi chân 2.400.000 đồng/ngày trong 10 tháng với số tiền là 720.000.000 đồng. Từ ngày 07/1/2017 (tức ngày 10/12/2016 Âm lịch) đến ngày 03/7/2017 (tức ngày 10/6/2017 Âm lịch), C đã 03 lần bốc hội với tổng số tiền 720.000.000 đồng, đóng lại tiền lãi là 81.000.000 đồng. C đóng được 09 tháng 14 ngày tiền hội với số tiền là 681.600.000 đồng, còn nợ 16 ngày tiền đóng hội là 38.400.000 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 16/12/2016 (tức ngày 18/11/2016 Âm lịch), C chơi 01 chân hội 10 người, với mỗi chân 2.400.000 đồng/ngày trong 10 tháng, với số tiền là 720.000.000 đồng. Từ ngày 15/1/2017 (tức ngày 18/12/2016 Âm lịch), đến ngày 15/3/2017 (tức ngày 18/02/2017 Âm lịch), C 03 lần bốc hội với tổng số tiền 720.000.000 đồng, đóng lại tiền lãi là 104.000.000 đồng. C đóng được 09 tháng 06 ngày tiền hội với số tiền là 662.400.000 đồng, còn nợ 24 ngày tiền đóng hội là 57.600.000 đồng.

- Lần thứ ba: Ngày 01/02/2017 (tức ngày 05/01/2017 Âm lịch), C chơi 01 chân hội 10 người với mỗi chân 2.000.000 đồng/ngày trong 10 tháng, với số tiền là 600.000.000 đồng. Từ ngày 02/3/2017 (tức ngày 05/02/2017 Âm lịch), đến ngày 27/7/2017 (tức ngày 05/6/2017 Âm lịch), C 03 lần bốc hội với tổng số tiền là 600.000.000 đồng, đóng lại tiền lãi là 80.000.000 đồng. C đóng được 07 tháng 19 ngày tiền hội với số tiền là 458.000.000 đồng, còn nợ 02 tháng 11 ngày tiền đóng hội là 142.000.000 đồng.

- Lần thứ tư: Ngày 04/02/2017 (tức ngày 08/01/2017 Âm lịch), C chơi 01 chân hội 10 người với mỗi chân 2.500.000 đồng/ngày trong 10 tháng, với số tiền là 750.000.000 đồng. Từ ngày 05/3/2017 (tức ngày 08/02/2017 Âm lịch), đến ngày 03/5/2017 (tức ngày 08/4/2017 Âm lịch), C 02 lần bốc hội với tổng số tiền 750.000.000 đồng, đóng lại tiền lãi là 102.000.000 đồng. Ch đóng được 7 tháng 16 ngày tiền hội với số tiền là 565.000.000 đồng, còn nợ 02 tháng 14 ngày tiền đóng hội là 185.000.000 đồng.

- Lần thứ năm: Ngày 26/02/2017 (tức ngày 01/02/2017 Âm lịch), C chơi 01 chân hội 10 người với mỗi chân 2.400.000 đồng/ngày, trong 10 tháng với số tiền là 720.000.000đ (Bảy trăm hai mươi đồng). Từ ngày 28/3/2017 (tức ngày 01/3/2017 Âm lịch) đến ngày 22/8/2017 (tức ngày 01/7/2017 Âm lịch), C 03 lần bốc hội với tổng số tiền là 720.000.000 đồng, đóng lại tiền lãi là 86.000.000 đồng. C đóng được 06 tháng 23 ngày tiền hội với số tiền là 487.200.000 đồng, còn nợ 03 tháng 07 ngày tiền đóng hội là 232.800.000 đồng.

- Lần thứ sáu: Ngày 16/4/2017 (tức ngày 20/3/2017 Âm lịch), C chơi 01 chân hội 10 người với mỗi chân 2.000.000 đồng/ngày trong 10 tháng, với số tiền là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Ngày 15/5/2017 (tức ngày 20/4/2017 Âm

lich), C bốc hui 02 lần với tổng số tiền là 600.000.000 đồng, đóng lại tiền lãi 100.000.000 đồng. C đóng được 05 tháng 04 ngày tiền hui với số tiền là 308.000.000 đồng, còn nợ 04 tháng 26 ngày tiền đóng hui là 292.000.000 đồng.

- Lần thứ bảy: Ngày 01/5/2017 (tức ngày 06/4/2017 Âm lịch), C chơi 01 chân hui 10 người với mỗi chân 2.000.000 đồng/ngày trong 10 tháng, với số tiền là 600.000.000 đồng. Từ ngày 28/7/2017 (tức ngày 06/6/2017 Âm lịch) đến ngày 27/8/2017 (tức ngày 06/7/2017 Âm lịch), C 02 lần bốc hui với tổng số tiền 600.000.000 đồng, đóng lại tiền lãi là 65.000.000 đồng. C đóng được 04 tháng 18 ngày tiền hui với số tiền là 276.000.000 đồng, còn nợ 05 tháng 12 ngày tiền đóng hui là 324.000.000 đồng.

- Lần thứ tám: Ngày 06/6/2017 (tức ngày 12/5/2017 Âm lịch), C chơi 01 chân hui 10 người với mỗi chân 2.000.000 đồng/ngày trong 10 tháng, với số tiền là 600.000.000 đồng. Ngày 05/7/2017 (tức ngày 12/6/2017 Âm lịch), C bốc hui số tiền 300.000.000 đồng, đóng lại tiền lãi 50.000.000 đồng. C đóng được 03 tháng 12 ngày tiền hui với số tiền là 204.000.000 đồng, còn nợ số tiền đóng hui là 96.000.000 đồng.

- Lần thứ chín: Ngày 28/7/2017 (tức ngày 06/6⁺/2017 Âm lịch), C chơi 01 chân hui 10 người với mỗi chân 2.000.000 đồng/ngày trong 10 tháng, với số tiền là 600.000.000 đồng. C chưa bốc hui nhưng đã đóng được 01 tháng 18 ngày tiền hui với số tiền là 96.000.000 đồng.

Trong tất cả 13 lần vay tiền của chị Trần Thị Như Ý thì Lê Thị Kiều C đều viết và ký vào vở hoặc sổ đưa cho chị Ý cất giữ. Riêng 09 lần tham gia chơi hui thì chị Ý viết vào sổ, còn những lần bốc hui thì chị Ý viết nội dung, số tiền bốc hui và C ký nhận vào sổ đưa chị Ý cất giữ làm tin. Hiện nay, cơ quan Công an đã thu giữ toàn bộ các tài liệu này để phục vụ cho công tác điều tra vụ án.

Như vậy, Lê Thị Kiều C đã chiếm đoạt của chị Trần Thị Như Ý tổng số tiền vay và chơi hui là 7.967.800.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Như Ý yêu cầu Lê Thị Kiều C trả lại số tiền 7.967.800.000 đồng. Hiện nay C chưa bồi thường.

7. Bà Nguyễn Huỳnh Mậu B (sinh năm 1967, trú tại Số 05 Kiệt 1149 Nguyễn Tất T, phường Phú B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế):

Do có mối quan hệ quen biết nên từ năm 2015, Lê Thị Kiều C bắt đầu vay tiền của bà Nguyễn Huỳnh Mậu B theo hình thức vay trả góp hàng ngày, với lãi suất 3%/1 tháng (cứ vay 9.000.000 đồng thì góp thành 10.000.000 đồng, trong thời gian 100 ngày (góp 100.000 đồng/1 ngày), hoặc vay trả lãi hàng tháng (5%/1 tháng), khi nào có thì trả tiền gốc và tham gia chơi hui do bà B làm chủ (C chỉ biết bà B là chủ hui, còn những con hui khác thì C không biết). Quá trình vay tiền và chơi hui C trả tiền vay, đóng hui đầy đủ. Từ ngày 08/12/2016 (tức ngày 10/11/2016 Âm lịch) đến ngày 08/9/2017 (tức ngày 18/7/2017 Âm lịch), C đã 07 lần vay tiền và 9 lần chơi hui với tổng số tiền là 1.556.000.000 đồng, đã trả tiền gốc là 892.100.000 đồng, tiền lãi là 102.000.000 đồng. Ngày 18/10/2017, C bỏ trốn để chiếm đoạt của bà B tổng số tiền vay và chơi hui là 663.900.000 đồng. Cụ thể như sau:

7.1 Hành vi chiếm đoạt tiền vay mượn:

- Lần 01: Ngày 26/5/2017 (tức ngày 01/5/2017 Âm lịch), C vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 5%/1 tháng (2.500.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 3 tháng là 7.500.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 50.000.000 đồng.

- Lần 02: Ngày 30/6/2017 (tức ngày 07/6/2017 Âm lịch), C vay số tiền 81.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 900.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp được 71 ngày là 63.900.000 đồng, còn nợ số tiền 17.100.000 đồng.

- Lần 03: Ngày 13/7/2017 (tức ngày 20/6/2017 Âm lịch), C vay số tiền 27.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 300.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp được 58 ngày là 17.400.000 đồng, còn nợ số tiền 9.600.000 đồng.

- Lần 04: Ngày 01/8/2017 (tức ngày 10/6/2017 Âm lịch), C vay số tiền 90.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 1.000.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp được 39 ngày là 39.000.000 đồng, còn nợ số tiền 51.000.000 đồng.

- Lần 05: Ngày 14/8/2017 (tức ngày 23/6/2017 Âm lịch), C vay số tiền 54.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 600.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp được 26 ngày là 15.600.000 đồng, còn nợ số tiền 38.400.000 đồng.

- Lần 06: Ngày 26/8/2017 (tức ngày 05/7/2017 Âm lịch), C vay số tiền 72.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 800.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp được 14 ngày là 11.200.000 đồng, còn nợ số tiền 60.800.000 đồng.

- Lần 07: Ngày 08/9/2017 (tức ngày 18/7/2017 Âm lịch), C vay số tiền 54.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 600.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp được 01 ngày là 600.000 đồng, còn nợ số tiền 53.400.000 đồng.

Như vậy, Lê Thị Kiều C đã 7 lần vay tiền rồi chiếm đoạt của bà Nguyễn Huỳnh Mậu B số tiền là 280.300.000 đồng.

7.2 Hành vi chiếm đoạt tiền chơi hội:

- Lần thứ nhất: Ngày 08/12/2016 (tức ngày 10/11/2016 Âm lịch), C chơi 02 hội, mỗi hội gồm 02 chân hội 12 người, với mỗi chân 50.000 đồng/ngày, trong 12 tháng với tổng số tiền là 36.000.000 đồng. Ngày 06/02/2017 (tức ngày 10/01/2017 Âm lịch), C bốc 04 chân hội (02 hội) với tổng số tiền 72.000.000 đồng, đóng lại tiền lãi 8.000.000 đồng. C đóng tổng cộng được 304 ngày tiền hội với số tiền là 60.800.000 đồng, còn nợ 56 ngày tiền đóng hội là 11.200.000 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 30/12/2016 (tức ngày 02/12/2016 Âm lịch), C chơi 03 chân hội 12 người, với mỗi chân 200.000 đồng/ngày, trong 12 tháng với số tiền là 72.000.000 đồng. Từ ngày 27/02/2017 (tức ngày 02/02/2017 Âm lịch), đến ngày 27/5/2017 (tức ngày 02/5/2017 Âm lịch), C 03 lần bốc hội với tổng số tiền 216.000.000 đồng, đóng lại tiền lãi là 20.800.000 đồng. C đóng tổng cộng 282

ngày tiền hội với số tiền là 169.200.000 đồng, còn nợ 78 ngày tiền đóng hội là 46.800.000 đồng.

- Lần thứ ba: Ngày 31/12/2016 (tức ngày 03/12/2016 Âm lịch), C chơi 02 chân hội 12 người với mỗi chân 200.000 đồng/ngày, trong 12 tháng với số tiền là 72.000.000 đồng. Ngày 28/02/2017 (tức ngày 03/02/2017 Âm lịch), đến ngày 28/4/2017 (tức ngày 03/4/2017 Âm lịch), C 02 lần bốc hội với tổng số tiền là 144.000.000 đồng, đóng lại tiền lãi là 14.400.000 đồng. C đóng tổng cộng 281 ngày tiền hội với số tiền là 112.400.000 đồng, còn nợ 79 ngày tiền đóng hội là 31.600.000 đồng.

- Lần thứ tư: Ngày 04/01/2017 (tức ngày 07/12/2016 Âm lịch), C chơi 02 chân hội 12 người, với mỗi chân 200.000 đồng/ngày, trong 12 tháng với số tiền là 72.000.000 đồng. Từ ngày 03/4/2017 (tức ngày 07/3/2017 Âm lịch), đến ngày 30/6/2017 (tức ngày 07/6/2017 Âm lịch), C 02 lần bốc hội với tổng số tiền là 144.000.000 đồng, đóng lại tiền lãi là 12.000.000 đồng. C đóng tổng cộng được 277 ngày tiền hội với số tiền là 110.800.000 đồng, còn nợ 83 ngày tiền đóng hội là 33.200.000 đồng.

- Lần thứ năm: Ngày 07/4/2017 (tức ngày 11/3/2017 Âm lịch), C chơi 02 chân hội 12 người với mỗi chân 200.000 đồng/ngày, trong 12 tháng với số tiền là 72.000.000 đồng. Trong đó có 01 chân hội C lấy tên “Xí em (G)” để chơi hội. Từ ngày 05/6/2017 (tức ngày 11/5/2017 Âm lịch), đến ngày 04/7/2017 (tức ngày 11/6/2017 Âm lịch), C 02 lần bốc hội với tổng số tiền 144.000.000 đồng, đóng lại tiền lãi là 15.200.000 đồng. C đóng tổng cộng được 155 ngày tiền hội với số tiền là 62.000.000 đồng, còn nợ 205 ngày tiền đóng hội là 82.000.000 đồng.

- Lần thứ sáu: Ngày 05/5/2017 (tức ngày 10/4/2017 Âm lịch), C chơi 03 chân hội 12 người, với mỗi chân 200.000 đồng/ngày, trong 12 tháng với số tiền là 72.000.000 đồng. Từ ngày 03/7/2017 (tức ngày 10/6/2017 Âm lịch) đến ngày 31/8/2017 (tức ngày 10/7/2017 Âm lịch), C 03 lần bốc hội với tổng số tiền 216.000.000 đồng, đóng lại tiền lãi là 20.800.000 đồng. C đóng tổng cộng được 127 ngày tiền hội với số tiền là 76.200.000 đồng, còn nợ 233 ngày tiền đóng hội là 139.800.000 đồng.

- Lần thứ bảy: Ngày 06/5/2017 (tức ngày 11/4/2017 Âm lịch), C chơi 02 chân hội 12 người, với mỗi chân 200.000 đồng/ngày, trong 12 tháng với số tiền là 72.000.000 đồng. Ngày 03/7/2017 (tức ngày 11/6⁺/2017 Âm lịch), C bốc hội số tiền 72.000.000 đồng, đóng lại tiền lãi 7.200.000 đồng. C đóng tổng cộng được 126 ngày tiền hội với số tiền là 50.400.000 đồng, còn nợ tiền đóng hội là 21.600.000 đồng.

- Lần thứ tám: Ngày 04/6/2017 (tức ngày 10/5/2017 Âm lịch), C chơi 02 chân hội 10 người, với mỗi chân 500.000 đồng/ngày trong 100 ngày (10 kỳ, mỗi kỳ 10 ngày), với số tiền là 100.000.000 đồng. Ngày 21/8/2017 (tức ngày 30/6⁺/2017 Âm lịch), C bốc 02 chân hội với tổng số tiền 100.000.000 đồng, đóng lại tiền lãi 2.000.000 đồng. C đóng tổng cộng được 97 ngày tiền hội với số tiền là 97.000.000 đồng, còn nợ 03 ngày tiền đóng hội là 3.000.000 đồng.

- Lần thứ chín: Ngày 12/8/2017 (tức ngày 21/6⁺/2017 Âm lịch), Chơi 01 chân hội 10 người, với mỗi chân 200.000 đồng/ngày trong 100 ngày (10 kỳ, mỗi kỳ 10 ngày) với số tiền là 20.000.000 đồng. Ngày 01/9/2017 (tức ngày 11/7/2017 Âm lịch), C bốc hội số tiền 20.000.000 đồng, đóng lại tiền lãi 1.600.000 đồng. C đóng tổng cộng được 28 ngày tiền hội, với số tiền là 5.600.000 đồng, còn nợ 72 ngày tiền đóng hội là 14.400.000 đồng.

Như vậy, Từ ngày 08/12/2016 (tức ngày 10/11/2016 Âm lịch), đến ngày 12/8/2017 (tức ngày 21/6/2017 Âm lịch), Lê Thị Kiều C 09 lần tham gia chơi hội rồi bỏ trốn để chiếm đoạt của bà Nguyễn Huỳnh Mậu B số tiền là 383.600.000 đồng.

Trong đó, 07 lần C vay tiền bà B thì C đều có viết vào sổ (trong đó 02 lần vay ngày 26/8/2017 và 08/9/2017 thì C viết nội dung mượn tiền của B là em gái bà B). Riêng 09 lần tham gia chơi hội thì bà B viết nội dung và số tiền bốc hội vào sổ để C ký tên vào rồi bà B cất giữ làm tin. Toàn bộ số tài liệu này cơ quan Công an đã thu giữ để phục vụ cho công tác điều tra vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Huỳnh Mậu B yêu cầu Lê Thị Kiều C trả lại số tiền 663.900.000 đồng. Hiện nay C chưa bồi thường.

8. Bà Phạm Thị H (sinh năm 1971, trú tại Số 05 Kiệt 1221 Nguyễn Tất T, phường Phú B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế):

Do có mối quan hệ quen biết nên từ năm 2015, Lê Thị Kiều C bắt đầu vay tiền của bà Phạm Thị H theo hình thức vay trả góp hàng ngày với lãi suất 3%/1 tháng (cứ vay 10.000.000 đồng thì góp ngày 110.000 đồng trong thời gian 100 ngày), hoặc vay trả lãi hàng tháng (7%/1 tháng), khi nào có thì trả tiền gốc. Quá trình vay tiền C trả gốc và lãi đầy đủ. Từ ngày 05/01/2017 (tức ngày 08/12/2016 Âm lịch) đến ngày 16/8/2017 (tức ngày 25/6/2017 Âm lịch), C vay bà H 11 lần với tổng số tiền 315.000.000 đồng, nhưng chỉ trả góp đến ngày 10/9/2017 (tức ngày 20/7/2017 Âm lịch) được số tiền gốc là 50.150.000 đồng và tiền lãi là 74.550.000 đồng. Đến ngày 18/10/2017, C bỏ trốn để chiếm đoạt của bà H số tiền là 264.850.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 05/01/2017 (tức ngày 08/12/2016 Âm lịch), C vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 7%/1 tháng (1.400.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 08 tháng là 11.200.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 20.000.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 12/01/2017 (tức ngày 15/12/2016 Âm lịch), C vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 7%/1 tháng (2.100.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 8 tháng là 16.800.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 30.000.000 đồng.

- Lần 3: Ngày 24/01/2017 (tức ngày 27/12/2016 Âm lịch), C vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 7%/1 tháng (1.400.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 07 tháng là 9.800.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 20.000.000 đồng.

- Lần 4: Ngày 25/01/2017 (tức ngày 28/12/2016 Âm lịch), C vay số tiền 45.000.000 đồng với lãi suất 7%/1 tháng (3.150.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 07 tháng là 22.050.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 45.000.000 đồng.

- Lần 5: Ngày 14/6/2017 (tức ngày 20/5/2017 Âm lịch), C vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp

220.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp được số tiền 19.800.000 đồng, còn nợ số tiền là 200.000 đồng.

- Lần 6: Ngày 19/6/2017 (tức ngày 25/5/2017 Âm lịch), C vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 7%/1 tháng (3.500.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 2 tháng là 7.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 50.000.000 đồng.

- Lần 7: Ngày 08/7/2017 (tức ngày 15/6/2017 Âm lịch), C vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 110.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp được số tiền 7.150.000 đồng, còn nợ số tiền là 2.850.000 đồng.

- Lần 8: Ngày 11/7/2017 (tức ngày 18/6/2017 Âm lịch), C vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 7%/1 tháng (2.100.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 2 tháng là 4.200.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 30.000.000 đồng.

- Lần 9: Ngày 06/8/2017 (tức ngày 15/6⁺/2017 Âm lịch), C vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 220.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp được 35 ngày với số tiền 7.700.000 đồng, còn nợ số tiền là 12.300.000 đồng.

- Lần 10: Ngày 14/8/2017 (tức ngày 23/6⁺/2017 Âm lịch), C vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 7%/1 tháng (3.500.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 01 tháng là 3.500.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ tiền gốc là 40.000.000 đồng.

- Lần 11: Ngày 16/8/2017 (tức ngày 25/6/2017 Âm lịch), C vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 220.000 đồng/1 ngày). C đã trả góp được 25 ngày với số tiền là 5.500.000 đồng, còn nợ số tiền là 14.500.000 đồng.

Như vậy, Lê Thị Kiều C đã chiếm đoạt của bà Phạm Thị H 11 lần với tổng số tiền là 264.850.000 đồng.

Tất cả 11 lần vay tiền bà H thì C đều ký vào cuốn vở với nội dung vay tiền giao cho bà H cất giữ làm tin. Hiện nay, cơ quan Công an đã thu giữ toàn bộ số tài liệu này để phục vụ cho công tác điều tra vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Phạm Thị H yêu cầu Lê Thị Kiều C trả lại số tiền 264.850.000 đồng. Hiện nay, C chưa bồi thường.

9. Bà Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1976, trú tại 168 Sóng H, phường Phú B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế):

Do có mối quan hệ quen biết nên từ đầu năm 2017 Lê Thị Kiều C bắt đầu vay tiền của bà Nguyễn Thị H1 để làm ăn, buôn bán phế liệu. Quá trình vay tiền ban đầu thì C trả gốc và lãi đầy đủ. Ngày 11/8/2017 (tức ngày 19/6/2017 Âm lịch), C vay của bà H1 số tiền 3.200.000.000 đồng với lãi suất 2%/1 tháng (C viết giấy mượn tiền vào sổ của bà H1). Đến giữa tháng 9/2017, bà H1 yêu cầu C trả tiền thì C thỏa thuận với bà H1 là C bán cho bà H1 thửa đất tại số 17 Nguyễn Thành Á, phường Phú B, thị xã Hương Thủy với giá 2.700.000.000 đồng trừ vào tiền vay. Ngày 28/9/2017, C cùng bà H1 đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế để làm thủ tục xóa thế chấp thửa đất tại đường Nguyễn Thành Á (do trước đó C thế chấp thửa đất này để vay tiền

ngân hàng). C và bà H1 tính toán lại tổng số tiền mà C còn nợ bà H1 sau khi trừ số tiền chuyển nhượng thửa đất (với giá 2.700.000.000 đồng) là 540.000.000 đồng. Lúc đó, do đang cần tiền nên C hỏi mượn bà H1 thêm số tiền 260.000.000 đồng, cộng với 540.000.000 đồng còn nợ là 800.000.000 đồng. Bà H1 đồng ý đưa tiền cho C và hẹn 02 ngày sau đến nhà bà H1 viết giấy mượn tiền. Ngày 30/9/2017, tại nhà bà H1, C nhờ cháu là Nguyễn Thị Hải L viết giúp giấy mượn tiền thì bà H1 nói L viết giấy có nội dung vợ chồng bà H1 cho vợ chồng C mượn tiền. L nhờ C đứng ra nhận nợ giúp L số tiền 1.200.000.000 đồng mà L đang nợ bà H1 thì C không đồng ý, nhưng L vẫn viết giấy mượn tiền đề ngày 28/9/2017, có nội dung vợ chồng C mượn của bà H1 số tiền 2.000.000.000 đồng, trong thời hạn 1 tháng với lãi suất 2%/1 tháng. Sau khi viết giấy mượn tiền xong, bà H1 ký mục “người cho mượn”, C ký mục “người mượn tiền”, L ký mục “người viết hộ”. Riêng chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc G là C tự ký. Đến khoảng đầu tháng 10/2017, bà H1 yêu cầu C trả tiền thì C có bán lại cho bà H1 01 xác nhà phế liệu (nằm trên lô đất ở 17 Nguyễn Thành Á, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy) với giá 100.000.000 đồng để trừ vào số tiền còn nợ là 800.000.000 đồng. Đến ngày 18/10/2017 C bỏ trốn khỏi địa phương.

Như vậy, Lê Thị Kiều C đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H1 số tiền 700.000.000 đồng.

Tờ giấy mượn tiền cơ quan Công an đã thu giữ để phục vụ cho công tác điều tra vụ án (BL 631-632).

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu Lê Thị Kiều C trả lại số tiền 700.000.000 đồng. Hiện C chưa bồi thường.

10. Bà Võ Thị H2 (sinh năm 1967, trú tại Số 05 Kiệt 1149 Nguyễn Tất T, phường Phú B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế):

Do có mối quan hệ bạn hàng nên từ năm 2016, Lê Thị Kiều C bắt đầu vay tiền của bà Võ Thị H2 theo hình thức vay trả góp hàng ngày với lãi suất 3%/1 tháng (cứ vay 9.000.000 đồng thì góp thành 10.000.000 đồng, trong thời gian 100 ngày (góp 100.000 đồng/1 ngày), hoặc vay trả lãi hàng tháng (3%/1 tháng), khi nào có thì trả tiền gốc. Quá trình vay tiền ban đầu thì C trả gốc, lãi đầy đủ. Từ ngày 11/02/2017 (tức ngày 15/01/2017 Âm lịch), đến ngày 26/8/2017 (tức ngày 05/7/2017 Âm lịch), C vay bà H2 5 lần với tổng số tiền là 263.000.000 đồng, C trả góp đến ngày 26/8/2017 (tức ngày 05/7/2017 Âm lịch) số tiền gốc là 78.100.000 đồng, tiền lãi là 18.340.000 đồng. Đến ngày 18/10/2017, C bỏ trốn để chiếm đoạt của bà H2 số tiền 184.900.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Lần 01: Ngày 11/02/2017 (tức ngày 15/01/2017 Âm lịch), C vay số tiền 13.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng (390.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi 06 tháng là 2.340.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 13.000.000 đồng.

- Lần 02: Ngày 24/6/2017 (tức ngày 01/6/2017 Âm lịch, nhưng ghi nhầm ngày 30/5/2017 Âm lịch), C vay số tiền 90.000.000 triệu đồng với lãi suất 03%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 900.000 đồng/1 ngày). C đã trả trước tiền lãi là 9.000.000 đồng và trả góp tiền gốc được 64 ngày là 57.600.000 đồng, còn nợ số tiền 32.400.000 đồng.

- Lần 03: Ngày 08/7/2017 (tức ngày 15/6/2017 Âm lịch), C vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 200.000 đồng /1 ngày). C đã trả trước tiền lãi là 2.000.000 đồng và trả góp tiền gốc được 50 ngày là 10.000.000 đồng, còn nợ số tiền 10.000.000 đồng.

- Lần 04: Ngày 06/8/2017 (tức ngày 15/6⁺/2017 Âm lịch), C vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 3%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 500.000 đồng/1 ngày). C đã trả trước tiền lãi là 5.000.000 đồng và trả góp tiền gốc được 21 ngày là 10.500.000 đồng, còn nợ số tiền 39.500.000 đồng.

- Lần 05: Ngày 26/8/2017 (tức ngày 05/7/2017 Âm lịch), C vay số tiền 90.000.000 đồng với lãi suất 03%/1 tháng, trong thời gian 100 ngày (trả góp 900.000 đồng/1 ngày) nhưng chưa trả tiền lãi và gốc, còn nợ số tiền 90.000.000 đồng.

Tất cả 5 lần vay tiền bà H2 thì C đều tự viết vào sổ đưa cho bà H2 cất giữ làm tin. Hiện nay, cơ quan Công an đã thu giữ để phục vụ cho công tác điều tra vụ án.

Như vậy, Lê Thị Kiều C đã chiếm đoạt của bà Võ Thị H2 5 lần với tổng số tiền là 184.900.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Võ Thị H2 yêu cầu Lê Thị Kiều C trả lại số tiền 184.900.000 đồng. Hiện nay Châu chưa bồi thường.

11. Chị Nguyễn Huỳnh Mậu D (sinh năm 1988, trú tại Tổ 01, phường Thủy L, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế):

Do có mối quan hệ quen biết nên từ ngày 26/5/2017 (tức ngày 01/5/2017 Âm lịch) đến ngày 09/6/2017 (tức ngày 15/5/2017 Âm lịch), Lê Thị Kiều C vay chị Nguyễn Huỳnh Mậu D 02 lần với tổng số tiền là 200.000.000 đồng, theo hình thức vay trả lãi hàng tháng (5%/1 tháng), khi nào có thì trả tiền gốc. C đã trả tiền lãi được 30.000.000 đồng. Đến ngày 18/10/2017, C bỏ trốn khỏi địa phương để chiếm đoạt của chị D số tiền 200.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Lần 01: Ngày 26/5/2017 (tức ngày 01/5/2017 Âm lịch), C vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 5%/1 tháng (5.000.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 03 tháng là 15.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 100.000.000 đồng.

- Lần 02: Ngày 09/6/2017 (tức ngày 15/5/2017 Âm lịch), C vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 5%/1 tháng (5.000.000 đồng/1 tháng). C đã trả tiền lãi được 3 tháng là 15.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 100.000.000 đồng.

Tất cả 2 lần vay tiền C đều tự viết vào sổ đưa cho chị D cất giữ làm tin (Trong đó lần vay ngày 26/5/2017, C viết nội dung mượn tiền chung của chị D và chị B số tiền là 150.000.000 đồng). Hiện nay cơ quan Công an đã thu giữ để phục vụ cho công tác điều tra vụ án.

Như vậy, Lê Thị Kiều C đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Huỳnh Mậu D 2 lần với tổng số tiền là 200.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Huỳnh Mậu D yêu cầu Lê Thị Kiều C trả lại số tiền 200.000.000 đồng. Hiện nay C chưa bồi thường.

12. Bà Hoàng Thị D1 (sinh năm 1972, trú tại: 46 Đỗ N, phường Thủy C, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế):

Do có mối quan hệ quen biết nên từ năm 2017 (không nhớ ngày, tháng cụ thể), C nhiều lần đến nhà gặp bà Hoàng Thị D1 hỏi vay mượn tiền để mua bán phế liệu, bà D1 đồng ý cho vay với hình thức vay trả lãi hàng tháng (5%/1 tháng), khi nào có tiền gốc thì trả hoặc vay trả góp hàng ngày với lãi suất 3%/1 tháng trong thời gian 100 ngày (vay 9.000.000 đồng thì trả thành 10.000.000 đồng). C vay bà D1 lần ít nhất là 50.000.000 đồng và lần nhiều nhất là 100.000.000 đồng, nhưng không viết giấy tờ gì. Châu đã nhiều lần trả tiền lãi cho bà D1 được số tiền khoảng 50.000.000 đồng. Đến cuối tháng 9/2017, C cùng bà D1 tính toán lại số tiền C còn nợ bà D1 là 450.000.000 đồng, bà D1 yêu cầu C cùng chồng (Nguyễn Ngọc G) phải ra công chứng ký hợp đồng vay số tiền 450.000.000 đồng thì bà D1 sẽ cho C vay thêm 150.000.000 đồng, tổng cộng là 600.000.000 đồng. C đồng ý về nói với Nguyễn Ngọc G là C đang nợ tiền bà D1, theo yêu cầu của bà D1 vợ chồng C phải ra công chứng ký giấy tờ để bà D1 cho vay thêm 150.000.000 đồng để làm ăn. G nghe C nói vậy liền đồng ý. Ngày 25/9/2017, tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Thừa Thiên Huế, vợ chồng C cùng vợ chồng bà D1 lập hợp đồng vay tiền có nội dung vợ chồng C vay của vợ chồng bà D1 số tiền 600.000.000 đồng. Sau khi ký xong hợp đồng thì bà D1 hẹn C tối đến nhà lấy số tiền 150.000.000 đồng như đã thỏa thuận, nhưng khi C đến lấy tiền thì bà D1 không đưa tiền cho C vay nữa. Đến ngày 18/10/2017, C bỏ trốn khỏi địa phương.

Toàn bộ các tài liệu này, cơ quan Công an đã thu giữ để phục vụ cho công tác điều tra vụ án.

Như vậy, Lê Thị Kiều C đã chiếm đoạt của bà Hoàng Thị D1 số tiền là 450.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Hoàng Thị D1 yêu cầu Lê Thị Kiều C trả lại số tiền 450.000.000 đồng. Hiện nay C chưa bồi thường (BL 656-673).

Trong vụ án này, Nguyễn Ngọc G không bàn bạc, thỏa thuận gì với Lê Thị Kiều C về việc vay mượn số tiền 450.000.000 đồng của bà D1 trước đó, G ra công chứng ký tên vào giấy vay nợ ngày 25/9/2017 là làm theo yêu cầu của vợ chồng bà Hoàng Thị D1. Do đó, G không đồng phạm với Lê Thị Kiều C.

Như vậy, Lê Thị Kiều C đã chiếm đoạt tiền vay mượn, vàng và tiền chơi hụi của 12 người gồm: Bà Lê Thị P 579.170.000 đồng, bà Nguyễn Thị S 550.000.000 đồng, bà Võ Thị T 1.203.000.000 đồng, bà Lê Thị Q 194.900.000 đồng và 2 cây vàng trị giá 74.000.000 đồng (Tổng cộng là 268.900.000 đồng), bà Nguyễn Như Thị K 250.000.000 đồng, chị Trần Thị Như Ý tiền vay là 6.696.000.000 đồng và tiền chơi hụi là 1.271.800.000 đồng (Tổng cộng là 7.967.800.000 đồng), bà Nguyễn Huỳnh Mậu B 280.300.000 đồng tiền vay và 383.600.000 đồng tiền chơi hụi (Tổng cộng là 663.900.000 đồng), bà Phạm Thị H 264.850.000 đồng, bà Nguyễn Thị H1 700.000.000 đồng, bà Võ Thị H2 184.900.000 đồng, chị Nguyễn Huỳnh Mậu D 200.000.000 đồng và bà Hoàng Thị D1 450.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền đã chiếm đoạt là 13.282.520.000 đồng (Mười ba tỷ hai trăm tám mươi hai triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng).

Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy và cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế (PC01), đã tiến hành hành xác minh nhiều lần tại địa phương nơi cư trú, gia đình, các con, anh chị em ruột và người thân đối với Lê Thị Kiều C từ ngày 18/10/2017 đến ngày 04/7/2018, ở đâu, làm gì đều không có ai biết. Châu cũng không thông báo hoặc gọi điện thoại liên lạc với cho những người thân, quen của mình, cho đến ngày 08/8/2018 mới bị phát hiện bắt giữ tại tỉnh Bình Dương.

B/ Hành vi phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Lê Thị Kiều C đối với bà Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1972, trú tại 38 Thuận H, phường Phú B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế) như sau:

Vào khoảng cuối tháng 9/2017, Lê Thị Kiều C đã bị vỡ nợ, không có khả năng chi trả tiền gốc và lãi vay, tiền chơi hụi cho 12 người nêu trên. Khi bị các chủ nợ liên tục đến nhà đòi nợ nhưng không có tiền trả nên C đã nảy sinh ý định gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của người khác để trả nợ. Do có mối quan hệ quen biết với bà Nguyễn Thị T1, nên ngày 26/9/2017 C đến nhà gặp bà T1 nói dối muốn vay một số tiền để làm ăn, kinh doanh buôn bán và sửa chữa khách sạn. Vì biết C làm nghề buôn bán phế liệu và mới mua khách sạn vào tháng 6 năm 2017, nên bà T1 tin tưởng C nói thật liền đồng ý cho C vay số tiền 800.000.000 đồng, với lãi suất 2%/1 tháng, trong thời gian 1 tháng. Khi nhận tiền C tự viết giấy vay, ký xác nhận và có vợ chồng bà Nguyễn Thị H3 ký làm chứng đưa cho bà T1 cất giữ làm tin. Sau khi lấy được tiền của bà T1 thì C không sử dụng tiền vay như đã thỏa thuận, mà dùng để trả nợ cho các chủ nợ khác và Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế hết nên không thu hồi được. Đến ngày 18/10/2017, C bỏ trốn khỏi địa phương. Tờ giấy vay tiền cơ quan Công an đã thu giữ để phục vụ cho công tác điều tra vụ án.

Như vậy, ngày 26/9/2017 thì Lê Thị Kiều C đã dùng thủ đoạn gian dối từ trước để chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T1 số tiền là 800.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu Lê Thị Kiều C trả lại số tiền 800.000.000 đồng. Hiện nay Châu chưa bồi thường.

C/ Hành vi phạm tội: “Che giấu tội phạm” của Nguyễn Ngọc G:

Khoảng cuối tháng 9/2017, Nguyễn Ngọc G thấy một số người đến nhà yêu cầu vợ mình (là Lê Thị Kiều C) trả nợ tiền vay mượn, nhưng C không có tiền trả nợ. Sau đó, G còn biết C bị cơ quan Công an thị xã Hương Thủy (tỉnh Thừa Thiên Huế) mời lên trụ sở làm việc do nợ tiền, vàng và chơi hụi. Đến ngày 18/10/2017, C không bàn bạc, thỏa thuận hay nói gì với G và người thân trong gia đình mà bỏ trốn để chiếm đoạt tiền của các chủ nợ. Khi G biết được C bỏ trốn để chiếm đoạt tiền của nhiều người thì G đã đi tìm, điện thoại, nhắn tin nhưng không liên lạc được. Ngày 20/10/2017, G tiếp tục gọi điện thì C nghe máy cho biết mình đang ở khu vực đường tránh Huế (Thuộc phường Phú B, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế) nên G đến gặp C. Khi gặp nhau, C nói mình đang nợ tiền nhiều người không có khả năng trả nợ nên phải bỏ trốn khỏi địa phương. G có khuyên C về nhà đừng bỏ trốn nữa nhưng C không nghe mà vẫn quyết định bỏ đi. Vì vậy, G cũng đồng ý đi theo C với mục đích để che giấu, giúp đỡ vợ trong khi bỏ trốn. Sau đó, G về nhà dắt theo con trai út là Nguyễn

Mai Ngọc T (Sinh năm 2006) ra đường tránh Huế cùng C bắt xe khách trốn vào tỉnh Bình Dương. Đến nơi, C, G và con trai sống lang thang một thời gian. Từ ngày 10/12/2017, G thuê 01 phòng trọ tại nhà bà Nguyễn Thị Kim D (Sinh năm 1979, trú tại số 34B/3 Khu Phố 2, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương) để cùng C trốn tránh cơ quan Công an, người thân quen, cũng như các chủ nợ (Hợp đồng thuê nhà được G và bà D lập ngày 10/12/2017, thời gian thuê nhà là 01 năm với giá 2.500.000 đồng/1 tháng). Thời gian này, G và C sinh sống bằng nghề bán nước mía. Ngày 08/8/2018 Lê Thị Kiều C bị công an tỉnh Thừa Thiên Huế truy xét, bắt giữ theo quyết định truy nã. Sau đó, G cũng trở về sinh sống tại phường Thủy C, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến nay.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế (PC01) đã tiến hành kê biên tài sản, thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và xử lý một số vật chứng như sau:

1/ Việc kê biên tài sản, thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:

- Kê biên thửa đất số 452-22, tờ bản đồ số 22, diện tích 234,5 m², địa chỉ tại Phù Nam 3, phường Thủy C, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Tạm giữ Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17412706/HĐTCBĐS lập ngày 28/6/2017 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17410308/HĐTCBĐS lập ngày 03/8/2017.

- Tạm giữ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/6/2017 giữa bên A (ông Ngô Đức V và bà Trần Thị H) và bên B (ông Nguyễn Ngọc G và bà Lê Thị Kiều C).

- Tạm giữ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 26/7/2017 giữa bên A (ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Kim H) và bên B (ông Nguyễn Ngọc G và bà Lê Thị Kiều C).

- Tạm giữ toàn bộ các giấy tờ, sổ sách giao, nhận tiền giữa bị cáo Lê Thị Kiều C với 13 người bị hại.

- Tạm giữ số tiền 601.952.877 đồng (Sáu trăm lẻ một triệu chín trăm năm mươi hai ngàn tám trăm bảy mươi bảy đồng) tại tài khoản của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh (ở kho bạc Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế) (BL).

2/ Việc xử lý vật chứng:

- Trả lại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17412706/HĐTCBĐS lập ngày 28/6/2017 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 17410308/HĐTCBĐS lập ngày 03/8/2017 cho chủ sở hữu là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế.

- Trả lại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/6/2017 giữa bên A (ông Ngô Đức V và bà Trần Thị H) và bên B (ông Nguyễn Ngọc G và bà Lê Thị Kiều C).

- Trả lại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 26/7/2017 giữa bên A (ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Kim H) và bên B (ông Nguyễn Ngọc G và bà Lê Thị Kiều C) cho chủ sở hữu là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hủy bỏ kê biên tài sản đối với thửa đất số 452-22, tờ bản đồ số 22, diện tích 234,5 m², địa chỉ tại Phù N 3, phường Thủy C, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế để bị cáo Lê Thị Kiều C và Nguyễn Ngọc G giải quyết việc khắc phục bồi thường dân sự trong vụ án theo quy định của pháp luật.

- Ngoài ra, cơ quan điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế còn phối hợp với Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam Chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế cho bị cáo Lê Thị Kiều C và Nguyễn Ngọc G tiến hành giải quyết 04 tài sản gồm: 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bị cáo Lê Thị Kiều C và Nguyễn Ngọc G, thế chấp tại Ngân hàng để Ngân hàng thu hồi nợ vay theo quy định của pháp luật, còn lại số tiền 601.952.877 đồng tiếp tục tạm giữ để phục vụ công tác điều tra vụ án.

Từ ngày 02/5/2018 đến ngày 05/3/2019, cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế (PC01) ra 16 Quyết định trưng cầu giám định toàn bộ chữ viết và chữ ký trên tất cả các tài liệu là giấy vay mượn tiền, vàng, chơi hụi và các loại sổ, vở ghi chép đã thu giữ của 13 người bị hại. Tại 12 bản kết luận giám định từ ngày 18/5/2018, đến ngày 28/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã xác định tất cả chữ ký và chữ viết trong các tài liệu này là của Lê Thị Kiều C.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS-P3 ngày 28/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Lê Thị Kiều C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015. Truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc G về tội “Che giấu tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng a khoản 4 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Lê Thị Kiều C từ 08 năm tù đến 09 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Lê Thị Kiều C từ 15 năm tù đến 16 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự 2015 để tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Lê Thị Kiều C phải chấp hành hình phạt chung là 23 năm tù đến 25 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 09/8/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc G 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Che giấu tội phạm”.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 và các Điều 579,580,585 và 589 Bộ luật dân sự 2015, buộc bị cáo Lê Thị Kiều C phải bồi thường đầy đủ cho những người bị hại với tổng số tiền là 14.082.520.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, tiếp tục lưu giữ các tài liệu đã thu giữ trong hồ sơ vụ án. Trả lại cho những người bị hại số tiền đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế số tiền 601.952.877 đồng.

Các bị cáo Lê Thị Kiều C và Nguyễn Ngọc G đều nhận tội, xin bị hại tha lỗi và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Đã có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

Từ năm 2013 đến tháng 9/2017, do cần tiền để làm ăn, buôn bán phế liệu nên Lê Thị Kiều C đã vay, mượn tiền, vàng và chơi hụi với 12 người trên địa bàn thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, với tổng số tiền là 25.723.000.000 đồng, Châu đã trả được số tiền gốc là 12.440.480.000 đồng và trả tiền lãi là 2.079.490.000 đồng. Đến ngày 18/10/2017, do mất khả năng trả nợ nên Châu bỏ trốn khỏi địa phương để chiếm đoạt của 12 người bị hại, cụ thể như sau:

- 1, Chiếm đoạt của bà Lê Thị P số tiền là 579.170.000 đồng.
- 2, Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị S số tiền là 550.000.000 đồng.
- 3, Chiếm đoạt của bà Võ Thị T số tiền là 1.203.000.000 đồng.
- 4, Chiếm đoạt của bà Lê Thị Q số tiền 194.900.000 đồng và 02 cây vàng trị giá 74.000.000 đồng. Tổng số tiền là 268.900.000 đồng.
- 5, Chiếm đoạt của bà Nguyễn Như Thị K số tiền 250.000.000 đồng.
- 6, Chiếm đoạt của bà Trần Thị Như Ý số tiền 7.967.800.000 đồng.
- 7, Chiếm đoạt của bà Nguyễn Huỳnh Mậu B số tiền 663.900.000 đồng.
- 8, Chiếm đoạt của bà Phạm Thị H số tiền là 264.850.000 đồng.
- 9, Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H1 số tiền 700.000.000 đồng.
- 10, Chiếm đoạt của bà Võ Thị H2 số tiền 184.900.000 đồng.
- 11, Chiếm đoạt của bà Nguyễn Huỳnh Mậu D số tiền 200.000.000 đồng.

12, Chiếm đoạt của bà Hoàng Thị D1 số tiền 450.000.000 đồng.

Hành vi nhận tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng vay, mượn tiền, vàng và chơi hụi....rồi sau đó bỏ trốn nhằm chiếm đoạt của 12 người bị hại với tổng số tiền là 13.282.520.000 đồng của bị cáo Lê Thị Kiều C đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà pháp luật bảo vệ. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Lê Thị Kiều C về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự 2015 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2] Về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Do bị các chủ nợ đến nhà đòi nợ mà bị cáo không có khả năng trả nợ, nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. Vào ngày 26/9/2017, bị cáo đến nhà của bà Nguyễn Thị T1 ở tại 18 Thuận H, phường Phú B, thị xã Hương Thủy nói dối là cần mượn tiền để làm ăn, kinh doanh và sửa chữa khách sạn. Tin tưởng vào lời nói của C nên bà T1 đã đưa cho bị cáo số tiền 800.000.000 đồng. Hành vi dùng lời nói và những thông tin gian dối, không đúng sự thật để người khác tin và giao tài sản cho bị cáo để bị cáo chiếm đoạt đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà pháp luật bảo vệ. Với số tiền bị cáo chiếm đoạt là 800.000.000 đồng, do đó Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Lê Thị Kiều C về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.3] Về hành vi che giấu tội phạm của bị cáo Nguyễn Ngọc G: Bị cáo G là chồng của bị cáo C, biết được nhiều người đến nhà đòi nợ C, đồng thời Công an thị xã Hương Thủy mời lên làm việc vì có nhiều người bị hại đến nhà G để đòi tiền, vàng vay mượn, chơi hụi nhưng C không trả. Sau khi C bỏ trốn, vào ngày 20/10/2017, G dắt theo cháu Nguyễn Mai Ngọc T (là con út) vào Miền Nam, sau đó cùng C thuê nhà số 34B/3 Khu phố 2, phường An P, thị xã Thuận A, tỉnh Bình Dương sinh sống cùng nhau, nhưng không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết. Hành vi của bị cáo G nhằm mục đích che giấu, giúp đỡ cho Lê Thị Kiều C chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi này đã phạm vào tội “Che giấu tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Lê Thị Kiều C là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ, nếu xâm phạm sẽ bị pháp luật xử lý nghiêm, nhưng do muốn có tiền để kinh doanh nên bị cáo đã đi vay mượn tiền, vàng của nhiều người, sau đó mới nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại phục vụ cho mục đích cá nhân và không có khả năng trả nợ. Sau đó, để có tiền trả cho những chủ nợ, bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T1 số tiền là 800.000.000 đồng rồi bỏ trốn khỏi địa phương.

Bị cáo Nguyễn Ngọc G là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc che giấu tội phạm sẽ bị pháp luật nghiêm trị nhưng bị cáo cùng C và con bỏ trốn, che giấu hành tung của bị cáo C, gây khó khăn cho hoạt

động điều tra. Vì vậy, Nguyễn Ngọc G phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo C phạm một lúc hai tội, đều thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo chiếm đoạt tài sản có tang số phạm tội rất lớn. Hành vi của bị cáo C thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh, xem thường kỷ cương pháp luật. Hành vi này không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của những người bị hại mà còn ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Bị cáo C phạm tình tiết tăng nặng là phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo Lê Thị Kiều C với mức phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt xem xét cho bị cáo Châu được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Bị cáo Châu đã khắc phục một phần hậu quả, bồi thường thiệt hại cho những người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 bị cáo được hưởng đối với cả hai tội. Riêng tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Ngọc G không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội do che giấu vợ mình, có nơi cư trú rõ ràng; do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ sức răn đe, giáo dục. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo do hiện nay bị cáo không có việc làm, có vợ là bị cáo trong vụ án này, có mẹ già và 01 con còn nhỏ.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 và các Điều 579, 580, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc Lê Thị Kiều C phải bồi thường đầy đủ cho những người bị hại, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho Bà Lê Thị P số tiền là 579.170.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị S số tiền là 550.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Võ Thị T số tiền là 1.203.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Lê Thị Q số tiền là 268.900.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Nguyễn Như Thị K số tiền là 250.000.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Trần Thị Như Ý số tiền là 7.967.800.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Nguyễn Huỳnh Mậu B số tiền là 663.900.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Phạm Thị H số tiền là 264.850.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền là 700.000.000 đồng.

- Bồi thường cho bà Võ Thị H2 số tiền là 184.900.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Nguyễn Huỳnh Mậu D số tiền là 200.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Hoàng Thị D1 số tiền là 450.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền là 800.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bị cáo Lê Thị Kiều C phải bồi thường là 14.082.520.000 đồng (Mười bốn tỷ không trăm tám mươi hai triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng).

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, tiếp tục lưu giữ các tài liệu đã thu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 601.952.877 đồng (Sáu trăm lẻ một triệu chín trăm năm mươi hai ngàn tám trăm bảy mươi bảy đồng) để đảm bảo cho việc thi hành án. Số tiền trên hiện đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế theo Quyết định chuyển vật chứng số 05/QĐ-VKS-P3 ngày 28/8/2019 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/9/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

[4] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo luật định.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Thị Kiều C phải chịu trên số tiền còn phải bồi thường, cụ thể bị cáo phải chịu: $112.000.000 \text{ đồng} + (0,1\% \times 10.082.520.000 \text{ đồng}) = 122.082.520 \text{ đồng}$

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Kiều C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo Nguyễn Ngọc G phạm tội “Che giấu tội phạm”.

Áp dụng a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Lê Thị Kiều C 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Lê Thị Kiều C 16 (mười sáu) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự 2015 để tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo Lê Thị Kiều C phải chấp hành hình phạt chung là 24 (hai mươi bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 09/8/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc G 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Che giấu tội phạm”. Thời điểm tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc G cho Ủy ban nhân dân phường Thủy Châu, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Ngọc G.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 và các Điều 579, 580, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc Lê Thị Kiều C phải bồi thường đầy đủ cho những người bị hại, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho Bà Lê Thị P số tiền là 579.170.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị S số tiền là 550.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Võ Thị T số tiền là 1.203.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Lê Thị Q số tiền là 268.900.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Nguyễn Như Thị K số tiền là 250.000.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Trần Thị Như Ý số tiền là 7.967.800.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Nguyễn Huỳnh Mậu B số tiền là 663.900.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Phạm Thị H số tiền là 264.850.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền là 700.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Võ Thị H2 số tiền là 184.900.000 đồng.
- Bồi thường cho chị Nguyễn Huỳnh Mậu D số tiền là 200.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Hoàng Thị D số tiền là 450.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền là 800.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bị cáo phải bồi thường là 14.082.520.000 đồng (Mười bốn tỷ không trăm tám mươi hai triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng).

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, tiếp tục lưu giữ các tài liệu đã thu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 601.952.877 đồng (*Sáu trăm lẻ một triệu chín trăm năm mươi hai ngàn tám trăm bảy mươi bảy đồng*) để đảm bảo cho việc thi hành án. Số tiền trên hiện đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế theo Quyết định chuyển vật chứng số 05/QĐ-VKS-P3 ngày 28/8/2019 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/9/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 1 mục I, điểm b khoản 1.3 mục II phần A của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Thị Kiều C và Nguyễn Ngọc G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Thị Kiều C phải chịu số tiền 122.082.520 đồng (*một trăm hai mươi hai triệu tám mươi hai ngàn năm trăm hai mươi đồng*).

5. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chưa thi hành các khoản tiền nói trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I TANDTC;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- UBND xã Thủy Châu, TX Hương Thủy;;
- Các Bị cáo;
- Bị hại
- Người có QLNVLQ;
- Sở Tư pháp;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Lưu HSYA, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Cao Sơn